

Giáo viên thực hiện: Lê Thị Thìn

BÀI 3. VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Về kiến thức

- Nêu được mối quan hệ giữa Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên.
- Trình bày được vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên đối với đời sống xã hội và sự phát triển bền vững.
- Giải thích được vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch.
- Nêu được tác động của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử, di sản văn hoá.
- Nhận biết được mối quan hệ hai chiều giữa bảo tồn di sản và phát triển du lịch; bước đầu biết liên hệ với một số di sản ở Việt Nam và địa phương.

2. Về kĩ năng, năng lực

- Rèn luyện kĩ năng quan sát, khai thác kênh hình, đọc và sử dụng tư liệu lịch sử trong học tập.
- Rèn luyện kĩ năng sưu tầm, lựa chọn, đối chiếu và trình bày thông tin về di sản văn hoá, di sản thiên nhiên và du lịch.
- Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc nhận diện giá trị lịch sử, văn hoá, kiến trúc, mỹ thuật và cảnh quan của di sản.
- Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc phân tích mối quan hệ giữa nghiên cứu lịch sử với bảo tồn di sản; giữa tài nguyên lịch sử, văn hoá với phát triển du lịch.
- Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để đề xuất biện pháp bảo tồn, phát huy giá trị di sản ở địa phương và trình bày quan điểm về phát triển du lịch di sản.
- Rèn luyện năng lực giao tiếp, hợp tác, tự chủ và tự học thông qua hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm và nhiệm vụ học tập ngoài lớp.

- **[1.2-NC1] - Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số:** Thực hiện đánh giá độ tin cậy của nguồn dữ liệu, thông tin, nội dung số và tiến hành đánh giá các dữ liệu, thông tin, nội dung số khác nhau khi tìm hiểu giá trị và công tác bảo tồn di sản.

- **[3.1-NC1] - Phát triển nội dung số:** Áp dụng được các cách tạo, chỉnh sửa nội dung ở các định dạng khác nhau và chỉ ra được cách thể hiện quan điểm thông qua sản phẩm số giới thiệu, bảo tồn và phát huy giá trị di sản.

- **[5.2-NC1] - Xác định nhu cầu và giải pháp công nghệ:** Đánh giá được nhu cầu trình bày thông tin của nhóm và áp dụng công cụ số phù hợp, đơn giản để hoàn thành sơ đồ về mối quan hệ giữa lịch sử, văn hoá, du lịch và bảo tồn di sản.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng lòng yêu quê hương, đất nước; trân trọng các giá trị lịch sử, văn hoá và thiên nhiên của dân tộc và nhân loại.
- Có ý thức trách nhiệm trong bảo vệ, giữ gìn và phát huy giá trị di sản; biết vận động người thân, bạn bè cùng tham gia các hoạt động phù hợp.
- Hình thành thái độ tôn trọng sự thật lịch sử, không làm sai lệch giá trị của di tích, hiện vật và truyền thống văn hoá.
- Có ý thức khai thác du lịch văn minh, bền vững; không xâm hại di sản, không xả rác, không cổ vũ các hành vi thương mại hoá phản cảm.
- Hình thành phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm, chủ động tìm tòi và hợp tác trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án được xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực và yêu cầu của Công văn 5512.
- SGK, SGV Lịch sử và Địa lí 6 (phân môn Lịch sử), bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.
- Phiếu học tập, bảng nhiệm vụ, giấy khổ lớn, bút dạ và tiêu chí đánh giá sản phẩm học tập.
- Hình ảnh trong SGK: Cung điện Véc-xây; Khu di tích Đại Nội Huế; Vịnh Hạ Long; nghệ nhân phường Xoan Thét truyền dạy hát Xoan; Hang Sơn Đoòng; Đoàn Môn thuộc Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long; Trùng tu Ngọ Môn trong Khu di tích Đại Nội Huế.
- Máy tính, máy chiếu hoặc ti-vi; bài trình chiếu và thiết bị kết nối internet nếu điều kiện cho phép.
- **Công cụ số tích hợp NLS:** trình duyệt web/Google Search; đường dẫn hoặc mã QR tới nguồn chính thống như UNESCO, Cục Di sản văn hoá và công thông tin của cơ quan quản lí di sản; Microsoft Word hoặc PowerPoint. Không sử dụng công cụ AI phức tạp và không yêu cầu HS có tài khoản AI.
- **Học liệu số và phương án dự phòng:** hai đoạn tư liệu số hoặc ảnh chụp màn hình do GV chuẩn bị để HS đánh giá nguồn; mẫu sơ đồ PowerPoint/Word. Khi mất mạng, GV dùng bản PDF/ảnh chụp đã tải sẵn; khi thiếu thiết bị, tổ chức một thiết bị cho một nhóm hoặc chuyển sang phiếu giấy.

2. Học sinh

- SGK Lịch sử và Địa lí 6; vở ghi, bút, thước và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.
- Đọc trước Bài 3, quan sát các hình 1 đến 7 và chuẩn bị câu trả lời cho các câu hỏi trong SGK.

- Suru tầm tranh ảnh hoặc tư liệu ngắn về một di sản văn hoá, di sản thiên nhiên hoặc điểm du lịch di sản ở địa phương.
- **Thiết bị số (nếu có):** điện thoại thông minh, máy tính bảng hoặc máy tính xách tay dùng theo nhóm; không bắt buộc mỗi HS có một thiết bị.
- **Chuẩn bị kỹ năng số cơ bản:** mở đường dẫn/mã QR, đọc thông tin trên trang web, ghi nguồn; nhập nội dung và tạo sơ đồ đơn giản bằng Word hoặc PowerPoint.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập; giúp HS nhận diện được sự đa dạng của di sản và bước đầu suy nghĩ về vai trò của Sử học trong bảo tồn, phát huy giá trị di sản và phát triển du lịch.

b. Nội dung: HS quan sát Hình 1, Hình 2, Hình 3 trong SGK và đọc nhận định của UNESCO về giá trị của di sản; trả lời các câu hỏi gợi mở của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu được tên hoặc loại hình của một số di sản; trình bày được nhận xét ban đầu về giá trị của di sản và dự đoán vai trò của nghiên cứu lịch sử đối với công tác bảo tồn.

d. Tổ chức thực hiện:

GV trình chiếu ba hình ảnh trong phần mở đầu của bài học và yêu cầu HS quan sát, nhận diện điểm giống và khác nhau giữa các di sản. GV đọc nhận định: “Di sản văn hoá, di sản thiên nhiên là những tài sản vô giá và không thể thay thế; khi di sản bị biến mất, xuống cấp hoặc bị huỷ hoại thì cũng là mất đi kho tàng di sản của tất cả các dân tộc trên thế giới”.



Hình 1. Cung điện Véc-xây (Pháp)



Hình 2. Khu di tích Đại Nội Huế (thành phố Huế)



Hình 3. Vịnh Hạ Long (tỉnh Quảng Ninh)

GV đặt câu hỏi:

- Các hình ảnh trên phản ánh những loại hình di sản nào?
- Theo em, vì sao những di sản này cần được nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị?
- Nếu thiếu hiểu biết lịch sử, việc tu bổ hoặc giới thiệu một di sản có thể dẫn đến những hậu quả gì?
- Di sản lịch sử, văn hoá và thiên nhiên có thể đóng góp như thế nào cho sự phát triển du lịch?

HS suy nghĩ, trao đổi và phát biểu. GV ghi nhận các ý kiến, không chốt sâu ở phần khởi động mà dẫn dắt vào bài: để bảo tồn đúng giá trị của di sản, con người cần có cơ sở khoa học, trong đó tri thức và phương pháp của Sử học giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Đồng thời, di sản lịch sử, văn hoá và thiên nhiên là nguồn tài nguyên quan trọng cho phát triển du lịch bền vững.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên

a. Mục tiêu: HS nêu được mối quan hệ giữa Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản; trình bày được vai trò của công tác bảo tồn đối với di sản văn hoá, di sản thiên nhiên.

b. Nội dung: HS khai thác mục 1, Hình 1 đến Hình 5 và thông tin trong SGK; thảo luận để làm rõ cơ sở khoa học của công tác bảo tồn, các hình thức bảo tồn và ý nghĩa của việc phát huy giá trị di sản.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời, phiếu học tập hoặc sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa Sử học với bảo tồn di sản; bảng phân tích vai trò của công tác bảo tồn đối với di sản vật thể, phi vật thể và thiên nhiên.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	- Di sản chứa đựng nhiều	[1.2-NC1-a/b] → Đánh giá dữ liệu,

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
vụ GV yêu cầu HS đọc mục 1a, quan sát lại Hình 1, Hình 2, Hình 3 và trả lời: - Giá trị của một di sản thường được thể hiện ở những phương diện nào? - Sử học và các ngành khoa học liên quan cung cấp những căn cứ gì cho việc nhận diện, đánh giá và bảo tồn di sản? - Điều gì có thể xảy ra nếu việc trùng tu, phục dựng di sản không dựa trên kết quả nghiên cứu khoa học? GV giao Phiếu học tập số 1, yêu cầu HS làm việc theo nhóm 4 em: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 - Cung điện Véc-xây: Giá trị cần xác định: - Cơ sở Sử học hỗ trợ bảo tồn: - Đại Nội Huế: Giá trị cần xác định: - Cơ sở Sử học hỗ trợ bảo tồn: - Vịnh Hạ Long: Giá trị cần xác định: - Cơ sở Sử học hỗ trợ bảo tồn: Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	lớp giá trị: lịch sử, văn hoá, kiến trúc, mỹ thuật, khoa học, thẩm mỹ, cảnh quan và đa dạng sinh học. - Sử học cung cấp tri thức về nguồn gốc, niên đại, quá trình hình thành, biến đổi, chủ nhân, chức năng và bối cảnh lịch sử của di sản. - Phương pháp nghiên cứu lịch sử giúp xác minh tính xác thực, tính toàn vẹn, giá trị nổi bật và mức độ nguyên gốc của di sản; từ đó lựa chọn phương án bảo tồn phù hợp. - Nếu không dựa trên nghiên cứu khoa học, việc tu bổ hoặc phục dựng có thể làm sai lệch hình thức, công năng, ý nghĩa và giá trị lịch sử của di sản. - Bảo tồn di sản vật thể gồm kiểm kê, tu bổ, gia cố, chống xuống cấp, phục dựng có căn cứ và quản lí không gian di tích. - Bảo tồn di sản phi vật thể gồm sưu tầm, ghi chép, ghi âm, ghi hình, truyền dạy, thực hành, trình diễn và tạo điều kiện để di sản được tiếp nối trong cộng đồng. - Bảo tồn di sản thiên nhiên nhằm duy trì cảnh quan, hệ sinh thái, đa dạng sinh học và giá trị khoa học; hạn chế tác động tiêu cực của con người và thiên	thông tin và nội dung số Nội dung chỉ báo: Thực hiện đánh giá độ tin cậy của nguồn và đánh giá các dữ liệu, thông tin, nội dung số khác nhau. Nhiệm vụ học tập: HS đối chiếu hai nguồn số về một di sản, nhận diện dấu hiệu tin cậy và chọn nguồn phù hợp. Công cụ: Trình duyệt web/Google Search; mã QR hoặc tệp PDF do GV chuẩn bị. Sản phẩm minh chứng: Phiếu đánh giá nguồn số có kết luận và ghi nguồn. Đánh giá: Bảng kiểm: xác định đúng chủ thể nguồn; nêu được bằng chứng; kết luận hợp lí; ghi nguồn đầy đủ. Dự phòng: Máy mạng dùng ảnh chụp/PDF; thiếu thiết bị làm theo nhóm hoặc dùng bản in.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
HS đọc SGK, trao đổi nhóm, hoàn thành phiếu. GV theo dõi, gợi ý HS chú ý các tiêu chí thường được sử dụng trong nghiên cứu di sản như niên đại, nguồn gốc, tính xác thực, tính toàn vẹn, giá trị lịch sử, văn hoá, kiến trúc, mỹ thuật và giá trị nổi bật. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện các nhóm trình bày. GV tổ chức nhận xét, bổ sung và yêu cầu HS giải thích vì sao kết quả nghiên cứu lịch sử là cơ sở khoa học để lựa chọn phương án bảo tồn, tu bổ, phục dựng và giới thiệu di sản. GV chuyển sang mục 1b, yêu cầu HS quan sát Hình 4 và Hình 5, thảo luận theo cặp: <i>Hình 4. Nghệ nhân phường Xoan Thét (tỉnh Phú Thọ) truyền dạy hát Xoan cho học sinh</i> <i>Hình 5. Hang Sơn Đoòng</i>	tai. - Công tác bảo tồn giúp duy trì nguồn tư liệu cho nghiên cứu, giáo dục truyền thống, củng cố bản sắc văn hoá, nâng cao đời sống tinh thần và tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội địa phương. - Hình 4 cho thấy hình thức truyền dạy để bảo tồn hát Xoan; Hình 5 cho thấy giá trị cảnh quan, địa chất và sinh học cần được bảo vệ lâu dài. - Mối quan hệ cốt lõi: Sử học cung cấp căn cứ khoa học cho bảo tồn; bảo tồn giữ gìn nguồn tư liệu và không gian lịch sử để Sử học tiếp tục nghiên cứu, giải thích và truyền bá tri thức. - Sản phẩm NLS: Phiếu đánh giá hai nguồn số, trong đó HS nêu được ít nhất hai căn cứ để xác định nguồn đáng tin cậy hơn; ghi rõ tên cơ quan/tác giả và địa chỉ hoặc tên trang.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
<i>thuộc Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (tỉnh Quảng Trị)</i> - Hai hình ảnh thể hiện những hình thức bảo tồn nào? - Công tác bảo tồn di sản vật thể, phi vật thể và thiên nhiên có điểm gì khác nhau? - Bảo tồn di sản mang lại những lợi ích gì cho cộng đồng và địa phương? Bước 4: Kết luận, nhận định HS trả lời. GV nhận xét, chuẩn xác kiến thức; nhấn mạnh mối quan hệ hai chiều: kết quả nghiên cứu Sử học tạo cơ sở khoa học cho bảo tồn, còn quá trình bảo tồn giúp duy trì nguồn tư liệu, hiện vật và không gian lịch sử để tiếp tục nghiên cứu, giáo dục và phát huy giá trị. Nhiệm vụ tích hợp NLS (thực hiện sau Bước 2): GV cung cấp bằng mã QR/đường dẫn hai nguồn số ngắn cùng nói về một di sản (ưu tiên một nguồn chính thức và một nguồn giới thiệu phổ thông). HS đối chiếu với SGK theo bốn tiêu chí: cơ quan/tác giả, thời điểm cập nhật, bằng chứng được sử dụng, mức độ thống nhất với nguồn chính thức; sau đó chọn nguồn đáng tin cậy hơn và giải thích.		

Hoạt động 2. Tìm hiểu Sử học với sự phát triển du lịch

a. Mục tiêu: HS giải thích được vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch; nêu được tác động của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử, di sản văn hoá.

b. Nội dung: HS khai thác mục 2, Tư liệu 1, Tư liệu 2, Tư liệu 3, Hình 6 và Hình 7 trong SGK; so sánh thông tin và phân tích mối quan hệ giữa tài nguyên lịch sử, văn hoá với du lịch và bảo tồn di sản.

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập về nội dung và điểm chung của các tư liệu; sơ đồ mối quan hệ lịch sử - văn hoá - du lịch - bảo tồn; câu trả lời có dẫn chứng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc mục 2a và khai thác Tư liệu 1, Tư liệu 2, Tư liệu 3; làm việc theo nhóm để hoàn thành Phiếu học tập số 2. PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 - Tư liệu 1 - Nội dung phản ánh: Tài nguyên du lịch văn hoá gồm di tích, lễ hội, giá trị truyền thống, công trình sáng tạo... Điểm chung/ý nghĩa: - Tư liệu 2 - Nội dung phản ánh: Du lịch là lĩnh vực tăng trưởng; di sản độc đáo tạo sức hút lớn cho điểm đến. Điểm chung/ý nghĩa: - Tư liệu 3 - Nội dung phản ánh: Hoàng thành Thăng Long thu hút lượng khách tham quan lớn. Điểm chung/ý nghĩa: - Kết luận chung: 	- Di tích lịch sử - văn hoá, di tích cách mạng, khảo cổ, kiến trúc; giá trị truyền thống, lễ hội, văn nghệ dân gian và các công trình sáng tạo là nguồn tài nguyên du lịch đặc sắc. - Tri thức lịch sử giúp làm rõ câu chuyện, bối cảnh, nhân vật, sự kiện và ý nghĩa của điểm đến; nhờ đó sản phẩm du lịch có chiều sâu, khác biệt và hấp dẫn hơn. - Giá trị lịch sử, văn hoá góp phần xây dựng thương hiệu điểm đến, thu hút khách, tạo việc làm, tăng thu nhập, thúc đẩy dịch vụ và quảng bá hình ảnh quốc gia, địa phương. - Tư liệu 2 cho thấy di sản độc đáo tạo lợi thế cạnh tranh và đóng góp đáng kể cho hoạt động du lịch; Tư liệu 3 cho thấy Hoàng thành Thăng Long có sức hút lớn đối với khách tham quan. - Du lịch phát triển làm tăng sự quan tâm của cộng đồng và du khách đối với	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
..... GV gợi ý các câu hỏi: - Từng tư liệu cung cấp thông tin gì về vai trò của lịch sử và văn hoá đối với du lịch? - Giữa các tư liệu có điểm chung nào? - Vì sao những địa điểm có giá trị lịch sử, văn hoá đặc sắc thường trở thành điểm đến hấp dẫn? - Du lịch di sản có thể tạo ra những lợi ích kinh tế, xã hội và văn hoá nào?  <i>Hình 6. Di tích Đoan Môn thuộc Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long (thành phố Hà Nội)</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS phân công đọc tư liệu, xác định từ khoá, đối chiếu và hoàn thành phiếu. GV hỗ trợ các nhóm phân biệt giữa tài nguyên du lịch văn hoá với sản phẩm du lịch; nhắc HS sử dụng dẫn chứng cụ thể từ tư liệu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện các nhóm trình bày. GV nhận xét và chốt vai trò của lịch sử, văn hoá đối với du lịch. Sau đó, GV yêu cầu HS đọc mục 2b, quan sát Hình 7 và trả lời:	di sản; góp phần giáo dục ý thức giữ gìn và lan toả giá trị lịch sử, văn hoá. - Một phần nguồn thu từ du lịch có thể được tái đầu tư cho kiểm kê, tu bổ, tôn tạo, phục dựng, quản lý, nghiên cứu, trưng bày và truyền dạy di sản. - Hoạt động du lịch tạo động lực để chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng phối hợp bảo vệ, khai thác và phát huy giá trị di sản. - Du lịch thiếu kiểm soát có thể gây quá tải, ô nhiễm, xuống cấp di tích, thương mại hoá hoặc làm biến dạng không gian và thực hành văn hoá. - Phát triển du lịch di sản cần bảo đảm nguyên tắc bền vững: tôn trọng tính xác thực, tính toàn vẹn, sức chứa của điểm đến; phân phối lợi ích hợp lý và tăng sự tham gia của cộng đồng địa phương. - Hình 7 minh hoạ việc nguồn lực và nhu cầu phát triển có thể thúc đẩy trùng tu, bảo tồn di tích; việc trùng tu phải tuân thủ căn cứ khoa học và bảo vệ giá trị nguyên gốc.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
 <i>Hình 7. Trùng tu Ngọ Môn trong Khu di tích Đại Nội Huế</i> - Du lịch có tác động như thế nào đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử, di sản văn hoá? - Nguồn thu từ du lịch có thể được sử dụng vào những hoạt động bảo tồn nào? - Nếu phát triển du lịch thiếu kiểm soát, di sản có thể chịu những tác động tiêu cực gì? - Theo em, cần làm gì để hài hoà giữa khai thác du lịch và bảo tồn lâu dài? Bước 4: Kết luận, nhận định HS trao đổi và trình bày. GV chuẩn xác kiến thức, nhấn mạnh mối quan hệ tương hỗ: di sản tạo nguồn lực cốt lõi cho du lịch, còn du lịch cung cấp nguồn lực vật chất, truyền thông và động lực xã hội cho bảo tồn. Tuy nhiên, mối quan hệ này chỉ bền vững khi khai thác có quy hoạch, tôn trọng sức chứa và giá trị nguyên gốc của di sản.		

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố và hệ thống hoá kiến thức về vai trò của Sử học đối với bảo tồn di sản; vai trò của lịch sử, văn hoá đối với du lịch và tác động của du lịch đối với bảo tồn.

b. Nội dung: HS giải quyết câu hỏi, tình huống và hoàn thành sơ đồ quan hệ dưới sự hướng dẫn của GV.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời có dẫn chứng, sơ đồ hoàn chỉnh hoặc phân trình bày ngắn của cá nhân/nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Câu 1. Hãy giải thích vai trò của lịch sử, văn hoá đối với sự phát triển du lịch và vai trò của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử, di sản văn hoá thông qua một ví dụ cụ thể.

Gợi ý: HS lựa chọn Đại Nội Huế, Hoàng thành Thăng Long, Vịnh Hạ Long, một di tích hoặc lễ hội ở địa phương. Cần nêu rõ: giá trị lịch sử, văn hoá tạo sức hấp dẫn cho điểm đến; tri thức lịch sử giúp xây dựng nội dung giới thiệu; hoạt động du lịch tạo nguồn thu, việc làm, quảng bá và động lực bảo tồn; đồng thời phải kiểm soát tác động tiêu cực.

Câu 2. Hoàn thành sơ đồ mối quan hệ sau:

Sử học	Bảo tồn di sản	Phát triển du lịch	Phát triển bền vững
- Xác minh giá trị - Cung cấp căn cứ khoa học	- Giữ gìn nguồn tư liệu - Phát huy giá trị	- Tạo nguồn lực - Quảng bá di sản	- Hải hoà kinh tế, văn hoá, môi trường

Câu 3. Tình huống: Một điểm di tích đón lượng khách quá lớn, xuất hiện rác thải, tiếng ồn và hành vi viết, vẽ lên công trình. Em hãy đề xuất ít nhất ba giải pháp để vừa duy trì hoạt động du lịch vừa bảo vệ di sản.

Gợi ý: giới hạn lượng khách theo sức chứa; phân luồng và đặt lịch tham quan; tăng hướng dẫn, biển cảnh báo và giám sát; quy định xử phạt; bố trí điểm thu gom rác; trích nguồn thu cho bảo tồn; giáo dục du khách; tăng vai trò của cộng đồng địa phương.

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc nhóm; gọi đại diện trình bày, yêu cầu các nhóm khác nhận xét, phản biện bằng dẫn chứng. GV chốt nội dung và khuyến khích HS diễn đạt bằng lời của mình, không sao chép máy móc.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bổ sung tích hợp NLS cho hoạt động luyện tập: - Sau khi hoàn thành Câu 2, mỗi nhóm đánh giá nhu cầu trình bày sơ đồ sao cho dễ quan sát và lựa chọn Word hoặc PowerPoint để tạo lại sơ đồ một trang. - Nhóm nêu lí do lựa chọn công cụ dựa trên thiết bị hiện	- Sơ đồ số một trang thể hiện đúng chuỗi quan hệ: Sử học - bảo tồn di sản - phát triển du lịch - phát triển bền vững. - Lời giải thích ngắn về lí do lựa chọn Word hoặc PowerPoint.	[5.2-NC1-a/b] → Xác định nhu cầu và giải pháp công nghệ Nội dung chỉ báo: Đánh giá nhu cầu trình bày thông tin và áp dụng công cụ số, giải pháp công nghệ phù hợp để giải quyết nhu cầu.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
có, thời gian và dạng sản phẩm cần tạo.		Nhiệm vụ học tập: Chọn Word hoặc PowerPoint để tạo sơ đồ mối quan hệ của bài học. Công cụ: Microsoft Word hoặc PowerPoint; dùng mẫu trống nếu cần. Sản phẩm minh chứng: Sơ đồ số và lí do lựa chọn công cụ. Đánh giá: Đúng nội dung; dễ đọc; công cụ phù hợp; hoàn thành đúng thời gian. Dự phòng: Thiếu thiết bị làm theo nhóm; mất điện dùng giấy A3, số hoá sau.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức đã học để khảo sát di sản gần gũi, đề xuất giải pháp bảo tồn và hình thành quan điểm có trách nhiệm về phát triển du lịch di sản.

b. Nội dung: HS thực hiện một trong hai nhiệm vụ học tập ngoài giờ hoặc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của GV.

c. Sản phẩm học tập: Bài giới thiệu, bảng đề xuất, áp phích, sơ đồ, bài trình chiếu hoặc đoạn văn khoảng 200 từ có lập luận và dẫn chứng.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1. Địa phương nơi em đang sinh sống và học tập có di sản văn hoá, di sản thiên nhiên nào? Hãy lựa chọn một di sản và đề xuất một số biện pháp để bảo tồn, phát huy tốt hơn giá trị của di sản đó.

GV hướng dẫn HS thực hiện theo các bước:

- Bước 1: Xác định tên, địa điểm, loại hình và giá trị nổi bật của di sản.

- Bước 2: Suru tầm từ hai nguồn thông tin trở lên; ghi rõ nguồn và kiểm tra độ tin cậy.
- Bước 3: Quan sát hoặc tìm hiểu thực trạng bảo tồn, khai thác du lịch và những nguy cơ đang đặt ra.
- Bước 4: Đề xuất giải pháp cụ thể, khả thi đối với nhà trường, cộng đồng, chính quyền, du khách và bản thân HS.
- Bước 5: Trình bày sản phẩm, tiếp nhận phản hồi và điều chỉnh đề xuất.

Nhiệm vụ 2. Giả sử có một chủ đề của hội thảo về du lịch di sản: “Lựa chọn lợi ích về kinh tế hay văn hoá - lịch sử? Lợi ích lâu dài hay trước mắt?”. Dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, hãy viết một đoạn văn khoảng 200 từ thể hiện quan điểm của em.

Yêu cầu cần đạt:

- Nêu rõ quan điểm: không đối lập tuyệt đối lợi ích kinh tế với giá trị văn hoá - lịch sử; ưu tiên lợi ích lâu dài và phát triển bền vững.
- Có ít nhất một dẫn chứng về di sản hoặc điểm du lịch cụ thể.
- Phân tích được lợi ích và rủi ro của khai thác du lịch; đề xuất nguyên tắc hài hoà giữa bảo tồn và phát triển.
- Trình bày mạch lạc, sử dụng thông tin có nguồn và tôn trọng sự thật.

GV lựa chọn thời điểm phù hợp để HS báo cáo, trưng bày hoặc chia sẻ sản phẩm; sử dụng tiêu chí về tính chính xác, mức độ liên hệ thực tiễn, tính khả thi của giải pháp, kĩ năng trình bày và tinh thần hợp tác để đánh giá.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bổ sung tích hợp NLS cho nhiệm vụ vận dụng: - HS lựa chọn một trong hai nhiệm vụ đã giao; sử dụng Word hoặc PowerPoint để tạo bài giới thiệu, áp phích, sơ đồ hoặc bài trình chiếu ngắn. HS được phép dùng ảnh do bản thân chụp hoặc ảnh từ nguồn hợp pháp, phải ghi nguồn dưới ảnh. - Sau khi nhận phản hồi, HS chỉnh sửa ít nhất một nội dung hoặc một yếu tố trình bày trước khi nộp bản cuối.	- Một sản phẩm số bằng Word hoặc PowerPoint, đúng nội dung nhiệm vụ; có tên di sản, giá trị nổi bật, thực trạng, giải pháp hoặc quan điểm; có dẫn chứng và ghi nguồn. - Bản cuối thể hiện ít nhất một điều chỉnh sau phản hồi.	[3.1-NC1-a/b] → Phát triển nội dung số Nội dung chỉ báo: Áp dụng cách tạo, chỉnh sửa nội dung ở các định dạng khác nhau và chỉ ra cách thể hiện quan điểm qua nội dung số. Nhiệm vụ học tập: Tạo và chỉnh sửa sản phẩm số giới thiệu hoặc đề xuất bảo tồn, phát huy giá trị di sản. Công cụ:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
		Microsoft Word hoặc PowerPoint; không yêu cầu công cụ AI. Sản phẩm minh chứng: Áp phích, bài giới thiệu, sơ đồ hoặc bài trình chiếu có ghi nguồn. Đánh giá: Đúng kiến thức; lập luận rõ; hình thức phù hợp; có chỉnh sửa sau phản hồi; ghi nguồn đầy đủ. Dự phòng: Không có thiết bị thì làm sản phẩm giấy; GV/nhóm trưởng chụp ảnh để lưu và chia sẻ.

E. NHẬN XÉT SAU GIỜ DẠY

.....

.....

.....

IV. CÁC PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. PHIẾU ĐÁNH GIÁ NGUỒN SỐ

Nhiệm vụ: Đối chiếu hai nguồn số về cùng một di sản và hoàn thành bảng sau.

Tiêu chí	Nguồn số 1	Nguồn số 2	Nhận xét/Kết luận
- Cơ quan/tác giả và mục đích công bố			
- Thời điểm công bố/cập nhật			
- Bằng chứng, dẫn liệu và mức độ thống nhất với SGK			
- Cách ghi nguồn/đường dẫn			
- Nguồn đáng tin cậy hơn và lí do			

PHỤ LỤC 2. PHIẾU LỰA CHỌN CÔNG CỤ SỐ

Nội dung cần xác định	Kết quả của nhóm	Minh chứng
- Nhu cầu của sản phẩm		Mô tả ngắn
- Công cụ lựa chọn	Word / PowerPoint	Khoanh hoặc ghi rõ
- Lí do lựa chọn		Phù hợp nhiệm vụ, thiết bị, thời gian
- Phân công thao tác và kiểm tra		Tên thành viên/nhiệm vụ